

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 4 năm 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung

Bà Dư Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh ngày 01/01/1976;

Địa chỉ: Số C, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh ngày 01/01/1976;

Địa chỉ: Số C, khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn T, bị đơn bà Phan Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà D sống chung như vợ chồng năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 13/7/2004. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, không hạnh phúc. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà D, bà D xác định hiện bà D đã lớn tuổi nên không muốn ly hôn, do đó bà D không đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 11/3/2004 và Trần Hạo N1, sinh ngày 29/3/2011; con chung tên Trần Thị Huỳnh N đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Trần Hạo N1, ông T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung; Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn T đối với bà Phan Thị D.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Hạo N1 cho ông T trực tiếp nuôi. Bà D không cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Đối với con chung tên Trần Thị Huỳnh N đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị D, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà D có nơi cư trú tại phường

B, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị D sống chung như vợ chồng năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 13/7/2004. Nên hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông T và bà D xác định trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà D, bà D xác định hiện bà D đã lớn tuổi nên không muốn ly hôn. Ông T xác định không muốn hàn gắn, tình cảm với bà D đã không còn, kiên quyết muốn được ly hôn. Bà D cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Qua đó cho thấy ông T và bà D không có khả năng hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa ông T và bà D không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà D.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 11/3/2004 và Trần Hạo N1, sinh ngày 29/3/2011.

Các đương sự thống nhất giao con chung tên Trần Hạo N1 cho ông T trực tiếp nuôi, Trần Hạo N1 cũng có ý kiến muốn được sống cùng ông T, cho nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung tên Trần Hạo N1 cho ông T trực tiếp nuôi.

Bà D không cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Đối với con chung tên Trần Thị Huỳnh N đã trưởng thành, phát triển bình thường, đã có gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn T đối với bà Phan Thị D. Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Phan Thị D.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 11/3/2004 và Trần Hạo N1, sinh ngày 29/3/2011.

Giao con chung tên Trần Hạo N1 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi.

Bà Phan Thị D không cấp dưỡng nuôi con do ông Trần Văn T không yêu cầu.

Đối với con chung tên Trần Thị Huỳnh N đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà D được quyền thăm nom con chung tên Trần Hạo N1, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000357 ngày 12/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam